TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũng.

Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp B, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2017, bản tự khai đề ngày 09 tháng 11 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 09 tháng 11 năm 2017 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D do mai mối rồi tự nguyện kết hôn với nhau, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/10/2003. Sau khi cưới bà H và ông D chung sống hạnh phúc được khoảng hai

năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D không lo làm việc để phụ nuôi con, thường xuyên uống rượu rồi kiếm chuyện gây gổ làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà H và ông D đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Hiện nay bà đã không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ *Về con chung*: Bà H và ông D có hai người con chung tên là Nguyễn Ngọc D - Sinh ngày 11 tháng 01 năm 2004 và Nguyễn Hoàng L - Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2009 (hiện đang sống chung với bà H); bà H yêu cầu được quyền nuôi hai người con, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi người con tên Nguyễn Hoàng L (Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2009) theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng cho đến khi Nguyễn Hoàng L tròn 18 tuổi.

+ *Về tài sản:* Bà H xác định bà và ông D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ:* Bà H xác định là không có nợ.

Trong biên bản hòa giải ngày 11 tháng 12 năm 2017, bà H thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau: Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Trong bản tự khai đề ngày 09 tháng 11 năm 2017, các biên bản hòa giải ngày 09 tháng 11 năm 2017, ngày 11 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Nguyễn Văn D (sau đây gọi tắt là ông D) trình bày:

Ông D đồng ý với phần trình bày của bà H về thời gian kết hôn, thời gian địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản và nợ chung. Sau cưới ông và bà H chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hai năm, sau đó do trong cuộc sống gặp khó khăn về tiền bạc nên vợ chồng không còn hạnh phúc, ông D cho rằng ông và bà H đã sống ly thân cách nay khoảng hai năm, hiện tại ông D đã về quê của ông (ấp B, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre) để sống, vợ chồng không có trao đổi gì với nhau nhằm mục đích đoàn tụ. Đối với yêu cầu của bà H thì ông D không đồng ý ly hôn, ông D chỉ chấp nhận sống ly thân, nhà ai nấy ở.

+ Về con chung: Ông và bà H có hai người con chung tên là Nguyễn Ngọc D - Sinh ngày 11 tháng 01 năm 2004 và Nguyễn Hoàng L - Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2009 (hiện đang sống chung với bà H); nếu như hai người con có nguyện vọng sống chung với bà H thì ông D chấp nhận, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản:* Ông D xác định ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ:* Ông D xác định là không có nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện

đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

• Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông D.

• Về con: Giao cho bà Hiền trực tiếp nuôi hai người con chung là Nguyễn Ngọc D - Sinh ngày 11 tháng 01 năm 2004 và Nguyễn Hoàng L - Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2009; bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

• Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông Nguyễn Văn D, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn D có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà H và ông D là phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy đời sống vợ chồng của bà H, ông D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, ông bà đã sống ly thân vào đầu năm 2017 cho đến nay mà không thể hàn gắn được. Mặc dù trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông D không đồng ý ly hôn nhưng ông D cũng xác định hiện tại cuộc sống hôn nhân của ông và bà H đã không còn hạnh phúc, ông D cũng không có biện pháp gì nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà H và ông D có hai người con chung là: Nguyễn Ngọc D - Sinh ngày 11 tháng 01 năm 2004 và Nguyễn Hoàng L - Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2009 (hai người con này đã trên bảy tôi và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà Hiền). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông bà thỏa thuận được với nhau là bà Hiền được quyền tiếp tục nuôi hai người con, bà H không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con của bà H, ông D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà H, ông D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[6] Về chia tài sản: Bà H, ông D thống nhất định là ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ: Bà H, ông D xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (về việc ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2/ *Về nuôi con chung:*

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa bà với ông Nguyễn Văn D là Nguyễn Ngọc D - Sinh ngày 11 tháng 01 năm 2004 và Nguyễn Hoàng L - Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2009 (hai người con này hiện đang sống chung với bà Nguyễn Thị H); bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Nguyễn Văn D có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

- Vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

4/ *Về tài sản:* Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D thống nhất xác định là ông, bà không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ *Về nợ:* Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023839 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bà Nguyễn Thị H (01 bản);
- Ông Nguyễn Văn D (01 bản);
- UBND xã E, huyện C (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền